

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 646/2022/DS-PT
Ngày: 26/10/2022
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền

Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án số 122/2022/DS-ST ngày 06/05/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5173/2022/QĐPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Ánh N**, sinh năm 1976.

Thường trú: Số 59 Bis E đường H, phường G, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Công B**, sinh năm 1997 hoặc ông **Trần Văn T**, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 53-55 Đường M, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 010357, quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Minh T, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

2. Bị đơn: Bà **Ngô Cẩm H**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 224/27 đường K, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Nguyễn Quốc T1** – Công ty Luật TNHH MTV S - Đoàn Luật sư tỉnh N. (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 8 T, ấp Y, xã B, huyện C, tỉnh N.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Bà **Ngô Thị Ngọc M**, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 224/20 K, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/ Ông **Trần Hoàn S**, sinh năm: 1955. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 224/27 K, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: 95/20/20 L, TDP 15, Khu phố M, phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3/ **Công ty HS**

Trụ sở: Số 224/27 đường K, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Hoàn S**, sinh năm: 1955 – Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 224/27 đường K, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: Số 95/20/20 đường L, TDP 15, Khu phố 1, phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Ngô Cẩm H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Ánh N và bà Ngô Cẩm H là bạn hàng lâu năm cùng kinh doanh mặt hàng quần áo tại chợ B. Trong quá trình kinh doanh, công ty của vợ chồng bà H gặp khó khăn nên bà H đã nhiều lần vay tiền của bà N.

Ngày 31/5/2018 bà H viết giấy Biên nhận nợ xác nhận có vay của bà N số tiền 9.350.000.000 đồng. Đây là số tiền bà N giao cho bà H nhiều lần trước ngày 31/5/2018 nhưng không viết giấy nợ. Đến ngày 31/5/2018, hai bên đã tổng kết toàn bộ khoản nợ, đồng thời thỏa thuận thời gian trả nợ với nội dung:

Bà H vay của bà N số tiền 9.350.000.000 đồng để đưa vào kinh doanh sản xuất tại Công ty HS (Công ty do ông Trần Hoàn S - chồng bà H làm Chủ tịch Hội đồng thành viên). Bà H cam kết đến ngày 30/6/2018 trả trước số tiền 5.000.000.000 đồng, số tiền còn lại là 4.350.000.000 đồng sẽ bàn lại lộ trình trả nợ vào ngày 30/6/2018 và không phát sinh tiền lãi.

Giấy nhận nợ có bà Ngô Thị Ngọc M là chị ruột của bà Ngô Cẩm H viết cam kết bảo đảm số nợ bà H đã mượn và bảo đảm bà H sẽ thực hiện trả nợ.

Đến ngày 30/6/2018 bà H không trả được số tiền 5.000.000.000 đồng nên bà M thay mặt bà H viết giấy xin bà N gia hạn đến ngày 07/8/2018 sẽ trả số tiền 5.000.000.000 đồng, hai bên vẫn thống nhất việc trả số tiền còn lại 4.350.000.000 đồng sẽ được thỏa thuận vào ngày 07/8/2018.

Tuy nhiên đến ngày 07/8/2018 bà H chỉ thanh toán được 3.000.000.000 đồng. Bà N đã nhiều lần tìm gặp bà H để yêu cầu trả số tiền trễ hạn là 2.000.000.000 đồng, đồng thời thỏa thuận lại việc trả tiếp số tiền 4.350.000.000 đồng nhưng bà H vẫn không trả và sau đó trốn tránh không gặp bà N.

Ngày 30/9/2020 bà N gửi thông báo đòi nợ cho vợ chồng bà H, ông S yêu cầu bà H, ông S trả toàn bộ số tiền vay còn lại chậm nhất đến ngày 30/10/2020, nhưng cho đến nay bà H, ông S vẫn không trả lời và chưa trả thêm số tiền nào cho bà N.

Theo trao đổi trước đó giữa các bên và theo giấy biên nhận tiền ngày 31/5/2018, bà H có ghi mục đích vay tiền là để cùng chồng là ông Trần Hoàn S đầu tư, sản xuất kinh doanh. Do đó, bà N yêu cầu bà H và ông S phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N.

Bà M là chị ruột của bà H. Việc bà M ký tên trên Biên nhận nợ ngày 31/5/2018 là để củng cố niềm tin của bà N đối với khoản nợ của vợ chồng bà H, cũng như đảm bảo cho việc bà H trả nợ cho bà N. Tuy nhiên, bà H ông S không trả nợ và cố ý trốn tránh việc trả nợ. Vì vậy, trong trường hợp bà H và ông S không có khả năng trả nợ cho bà N, yêu cầu bà M phải trả nợ thay cho bà H, ông S.

Bà N yêu cầu cụ thể như sau:

Yêu cầu bà Ngô Cẩm H và ông Trần Hoàn S có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số nợ cho bà N. Trong đó nợ gốc là 6.350.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 16/6/2021 là: $6.350.000.000 \text{ đồng (nợ gốc)} \times 6,5 \text{ tháng (tính từ ngày quá hạn trả nợ theo thông báo đòi nợ là ngày 01/11/2020 đến ngày 16/6/2021)} \times 10\%/năm \text{ (theo quy định)} = 343.958.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và lãi là: $6.350.000.000 \text{ đồng} + 343.958.000 \text{ đồng} = 6.693.958.000 \text{ đồng}$.

Trong trường hợp bà H và ông S không có khả năng trả nợ cho bà N, yêu cầu Ngô Thị Ngọc M có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ gốc là 6.350.000.000 đồng (vì bà M đã bảo lãnh khoản nợ này cho bà H và ông S).

Số tiền 9.350.000.000 đồng bà N cho bà H, ông S vay là tài sản riêng của bà N. Ông Nguyễn Phương N1 trước đây là chồng của bà N đã ly hôn năm 2019 có văn bản xác nhận số tiền 9.350.000.000 đồng bà N cho bà H, ông S vay là tài sản riêng của bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ánh N.

Bà Ngô Cẩm H và ông Trần Hoàn S cùng có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ánh N số tiền còn nợ là 7.302.500.000 đồng (bảy tỷ ba trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 6.350.000.000 đồng, tiền lãi là 952.500.000 đồng) theo Biên nhận nợ ngày 31/5/2018.

Kể từ khi bà Huỳnh Thị Ánh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng bà Ngô Cẩm H và ông Trần Hoàn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ánh N về việc yêu cầu bà Ngô Thị Ngọc M phải trả số tiền nợ gốc là 6.350.000.000 đồng trong trường hợp bà H và ông S không trả cho bà N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/5/2022, bị đơn bà Ngô Cẩm H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ánh N có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công B, ông Trần Văn T và bị đơn bà Ngô Cẩm H thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án như sau: Theo biên nhận nợ ngày 31/5/2018 thì bà H còn thiếu của bà N số tiền là 6.350.000.000 đồng. Nay bà N và bà H thống nhất, số tiền bà H phải thanh toán cho bà N là 4.800.000.000 đồng được chia làm 02 lần:

- Lần 1: Vào ngày 26/11/2022, bà H thanh toán cho bà N số tiền là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

- Lần 2: Vào ngày 26/12/2022, bà H thanh toán cho bà N số tiền còn lại là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Do các bên đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Ngô Thị Ngọc M, ông Trần Hoàn S, Công ty HS có người đại diện theo pháp luật là ông Trần Hoàn S để tham gia phiên tòa đến lần thứ 3, cụ thể: Lần thứ nhất là vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 07/9/2022; lần thứ 2 vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 27/9/2022; lần thứ 3 vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/10/2022 nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Tại Biên nhận nợ ngày 31/5/2018 do bà N cung cấp có nội dung: Bà H có mượn của bà N số tiền 9.350.000.000 đồng để đưa vào kinh doanh sản xuất tại Công ty HS (sau đây viết tắt là Công ty H S) do ông Trần Hoàn S là chồng bà H làm Chủ tịch Hội đồng thành viên. Quá trình giải quyết vụ án, bà N xác định rằng bà H đã trả được 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, còn thiếu lại 6.350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N có người đại diện theo ủy quyền là ông T, ông B và bà H cùng xác định lại số nợ bà H phải thanh toán cho bà N là 4.800.000.000 (Bốn tỷ tám trăm triệu) đồng. Bà N đồng ý cho bà H thanh toán số nợ trên làm 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 26/11/2022, bà H thanh toán cho bà N số tiền là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

- Lần 2: Vào ngày 26/12/2022, bà H thanh toán cho bà N số tiền còn lại là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Cẩm H phải chịu là 112.800.000 (Một trăm mười hai triệu, tám trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Cẩm H phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Ngô Cẩm H phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị Ánh N số tiền còn nợ là 4.800.000.000 (Bốn tỷ tám trăm triệu) đồng được chia làm 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 26/11/2022, bà H thanh toán cho bà N số tiền là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

- Lần 2: Vào ngày 26/12/2022, bà H thanh toán cho bà N số tiền còn lại là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Ánh N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Ngô Cẩm H chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành cho theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 112.800.000 (Một trăm mười hai triệu, tám trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Ánh N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.401.500 (Năm mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ một ngàn, năm trăm) đồng theo biên lai số AA/2019/0049799 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ngô Cẩm H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0018665 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận M;
- TAND Quận M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan

